

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 273/2020/HS-PT
Ngày: 29 - 10-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 267/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Q phạm tội "*Bắt giữ người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*"; bị cáo W phạm tội "*Bắt giữ người trái pháp luật*". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2019/HSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Q; sinh ngày 13/9/1995; tại: Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã R, Thành phố E, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 102 T, phường Y, Thành phố E, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 7/12; con ông NH và bà NN; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/10/2019 đến ngày 12/10/2019; Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: W (Tên gọi khác: Cu Mập); sinh ngày 12/8/1996; tại: Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Cùng số 322/16 TP, phường TC, Thành phố E, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Thợ sơn PU; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông TQ và bà TL (đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 210/2015/HSST ngày 10/7/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 09 tháng tù, về tội "*Cố ý gây thương tích*" và "*Gây rối trật tự công cộng*", ngày 15/02/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị U, là nhân viên của quán Massage NN, ngày 27/3/2019, chị U vay của Q 15.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận tiền lãi 90.000 đồng/01 ngày/15.000.000 đồng, chị U mới trả được một phần tiền lãi (khoảng 1.500.000 đồng) cho Q. Do chưa có tiền trả cho Q, nên Q bắt chị U viết 01 giấy mượn của Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150 biển số 47B2 - 088773 và viết 01 giấy cầm xe mô tô trên cho anh I lấy 15.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 30/9/2019, Q rủ O điều khiển xe ô tô biển số 47A - 249.18 đến chờ Q, tại địa chỉ 102 T, phường Y, thành phố E. O điều khiển xe ô tô chở Q đến hẻm 197 PN, Thành phố E, đón W và 01 nam thanh niên tên Tền (Chưa xác định được nhân thân lai lịch) đi đến quán Massage NN, địa chỉ 155 YN, phường Y, Thành phố E, để tìm chị U đòi nợ, trước khi đi trong lúc đợi W và Tền, Q lấy một con dao rựa, mà Q đã cất giấu trước đó trong bụi cây ở gần phòng trọ của W, bỏ lên chỗ để chân hàng ghế sau xe. Tại đây, Q một mình đi vào quán tìm chị U, còn O, W và Tền đứng ở ngoài đợi. Do chị U đang làm việc, nên Q ngồi trong quầy lễ tân đợi chị U, đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 01/10/2019, chị U làm việc xong đi ra gặp Q, Q yêu cầu chị U phải trả ngay tiền nợ cho Q nhưng chị U chưa có tiền trả nên Q yêu cầu chị U đi ra chỗ khác nói chuyện, nhưng chị U không đồng ý. Q nắm tay chị U kéo và lôi chị U từ trong quán Massage ra xe, thì chị U chống cự la hét không chịu đi theo nhưng Q vẫn kéo chị U đến cửa xe ô tô làm chị U bị rơi 01 chiếc dép. Thấy vậy, O và W đi đến còn Tền thì ngồi trong xe ô tô, O mở cửa xe bên phải ra cùng Q đẩy chị U vào trong ngồi ở giữa ghế sau xe ô tô còn Q và Tền ngồi kẹp hai bên. Lúc này, W đi đến đây, đóng cửa xe lại rồi lên ngồi ở vị trí phụ xe. Q nói O điều khiển xe chạy đi lòng vòng trên các tuyến đường, với mục đích kéo dài thời gian, làm chị U sợ trả nợ ngay cho Q. Khi vào xe Q nói chị U ngồi im, nếu không sẽ dùng vũ lực và trên đường đi Q liên tục chửi mắng và đe dọa chị U, về việc mượn tiền không trả. W khuyên bảo chị U trả tiền cho Q nhưng không được, nên gọi điện thoại cho bạn là A (Tên thường gọi là Báu) nhờ A nói chuyện với chị U trả nợ cho Q, thì A đồng ý. Q và W nói O điều khiển xe đến khu vực cuối đường YN, Thành phố E để đón A. Tại đây, Tền xuống xe cho A lên xe ngồi ở vị trí của Tền, rồi O tiếp tục lái xe chở mọi người đi lòng vòng, trên đường Q yêu cầu chị U trả 15.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng; Tổng cộng 30.000.000 đồng, chị U xin giảm bớt tiền lãi, nhưng Q không đồng ý. Chị U xin Q cho chị xuống xe đi về vì có con nhỏ, nhưng Q nói “*Nếu trả tiền thì mới cho về*”, nên chị U đồng ý trả 30.000.000 đồng cho Q và hẹn trả trong vòng 01 tháng. Q đồng ý và yêu cầu chị U phải nói về việc hứa hẹn trả số tiền trên để Q dùng điện thoại quay Video lại, đề phòng nếu chị U không thực hiện thì sẽ làm căn cứ kiện chị U trước pháp luật, thì chị U đồng ý. Q nói O lái xe đến khu vực hoa viên phường Q Nhất trên đường NTĐ, Thành phố E. Tại đây, Q và A (Báu) đi cùng chị U ra khu vực khác nói chuyện, còn W và O ngồi đợi trên xe, Q yêu cầu chị U phải nói theo lời của mình để Q dùng điện thoại quay Video lại, gồm 03 đoạn Video nhằm đối phó khi Cơ quan Công an khi mời làm việc. Trong đó, “đoạn Video 1: Chị U nợ tiền không trả nên tự nguyện đi gặp Q nói chuyện hứa hẹn trong 01 tháng sẽ trả nợ, đoạn Video 2: Chị U tự nguyện lên xe đi theo Q để giải quyết nợ nần chứ không bị ép buộc, đoạn Video 3: Chị U mượn của Q 01 chiếc xe mang đi cầm cố hứa hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả nếu không sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Khi quay

Video xong, Q và A (Báu) dẫn chị U quay lại xe ô tô lúc này chị U tiếp tục xin đi về nhà nhưng Q không đồng ý mà tiếp tục chở chị U đi lòng vòng trên địa bàn Thành phố E, với mục đích uy hiếp tinh thần làm chị U sợ mà phải thực hiện lời hứa trả tiền ngay cho Q. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, Q chở chị U đến đường Y Moan, Thành phố E cho chị U xuống xe tự đi bộ về nhà.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 219/2020/HSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tuyên bố bị cáo W phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ Luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Q: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo Q phải chấp hành 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo W 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành Chung, quyết định về thời hạn chấp hành hình phạt, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 21/8/2020, bị cáo Q và bị cáo W có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Q mặc dù đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị bệnh, tuy nhiên, bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xét xử xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo W vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” và bị cáo W về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo Q và mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo W là thỏa đáng, không nặng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, ngoài ra, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 219/2020/HSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo W không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Q có trong hồ sơ vụ án và bị cáo W tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/10/2019, tại trước quán Massage NN, địa chỉ 155 YN, phường Y, Thành phố E, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Q và W đã đe dọa dùng vũ lực ép bắt chị U lên xe ô tô biển số 47A- 249.18 và giữ chị U trên xe đến 04 giờ cùng ngày. Như vậy hành vi của bị cáo Q và W thực hiện đã phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Q để đạt được mục đích của mình nhằm chiếm đoạt tài sản của chị U đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần làm chị U sợ mà đồng ý chấp nhận trả cho Q số tiền 30.000.000 đồng; Hành vi của Q thực hiện đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo W phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Q, W, Hội đồng xét xử xét thấy. Mức hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo Q và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo W mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Q; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo W. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 219/2020/HSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Q và W phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Q và W - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2020/HSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Q: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo Q phải chấp hành 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019 đến 12/10/2019.

Căn cứ: khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo W 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[2] Về án phí: Các bị cáo Q và W mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND T.p Buôn ma Thuột;
- VKSND T.p Buôn ma Thuột ;
- Công an T.p Buôn ma Thuột ;
- Chi cục T.H.A.DS T.p E;
- Cơ quan T.H.A HS Công an T.p E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Huyền